

# -(으)ㄹ/는 것 같다

có vẻ sẽ, tôi có cảm giác là

Nửa hướng về tương lai của cặp 것 같다. Dùng cho điều chưa xảy ra, hoặc khi ấn tượng của bạn dựa trên rất ít căn cứ.

## Cách kết hợp

| Loại gốc từ             | Dạng          | Ví dụ          |
|-------------------------|---------------|----------------|
| Kết thúc bằng nguyên âm | -ㄹ 것 같다       | 오다 → 올 것 같아요   |
| Kết thúc bằng phụ âm    | -을 것 같다       | 먹다 → 먹을 것 같아요  |
| Kết thúc bằng ㄹ         | không thêm gì | 만들다 → 만들 것 같아요 |
| Tính từ                 | -(으)ㄹ 것 같다    | 춥다 → 추울 것 같아요  |
| Đoán về quá khứ         | -았/었을 것 같다    | 갔을 것 같아요       |
| Đã nhìn thấy được       | -(으)ㄹ/는 것 같다  | 온 것 같아요        |

## Khi nào dùng

Cách kết hợp theo quy tắc chuẩn, và gốc từ ㄹ không thêm gì: 만들다 thành 만들 것 같아요.

Cách dùng điển hình là dự đoán: 비가 올 것 같아요 (có vẻ sắp mưa). Nó cũng dùng để đoán về hiện tại khi căn cứ còn ít, và để từ chối một cách lịch sự: 내일은 좀 어려울 것 같아요 là cách người Hàn nói “không” mà không cần nói “không”.

So với -(으)ㄹ 거예요, điểm khác là mức độ chắc chắn. 갈 거예요 nêu kế hoạch của bạn; 갈 것 같아요 nói rằng bạn dự định sẽ đi nhưng không cam kết. Người Hàn dùng dạng thứ hai liên tục để chừa đường lui cho mình.

Để đoán về việc đã xong, thì quá khứ được đặt vào bên trong: 벌써 갔을 것 같아요.

## Ví dụ trong câu

- 1** 하늘을 보니까 비가 올 것 같아요.  
Nhìn trời thì có vẻ sắp mưa.
- 2** 내일은 좀 추울 것 같아요.  
Tôi nghĩ ngày mai trời sẽ hơi lạnh.
- 3** 죄송한데 내일은 좀 어려울 것 같아요.  
Xin lỗi, ngày mai có lẽ hơi khó với tôi.
- 4** 이 음식은 매울 것 같아요.  
Tôi có cảm giác món này cay.
- 5** 그 사람은 벌써 갔을 것 같아요.  
Tôi nghĩ chắc anh ấy đã đi rồi.
- 6** 시간이 좀 걸릴 것 같은데 괜찮으세요?  
Có thể sẽ mất một lúc — có được không?

## So sánh với

**-(으)ㄹ/는 것 같다**  
-(으)ㄹ/는 nói về điều bạn đã quan sát được; -(으)ㄹ hướng về phía trước hoặc dựa trên linh cảm.  
비가 온 것 같아요. (mặt đất ướt) / 비가 올 것 같아요. (bầu trời tối sầm)

**-(으)ㄹ 거예요**  
Cùng định ngữ, khác phần kết. 거예요 khẳng định; 것 같아요 nói giảm nhẹ. Trên thực tế, người Hàn thường nói giảm nhẹ, còn người học lại khẳng định quá nhiều.  
내일 갈 거예요. (tôi sẽ đi) / 내일 갈 것 같아요. (tôi nghĩ là tôi sẽ đi)

**Từ chối lịch sự**  
Tiếng Hàn hiếm khi từ chối thẳng. -(으)ㄹ 것 같다 biến lời từ chối thành một cảm nhận, và được hiểu là một lời “không” rõ ràng.  
못 가요. (tôi không đi được) / 좀 어려울 것 같아요. (có lẽ hơi khó)

## Lưu ý

- ✗ 저녁을 만들을 것 같아요.**  
**○ 저녁을 만들 것 같아요.**  
Gốc từ kết thúc bằng ㄹ đã có sẵn ㄹ, giống như 만들 거예요 và 만들 수 있다.
- ✗ 그 사람은 벌써 갈 것 같아요. — với nghĩa “chắc anh ấy đã đi rồi”**  
**○ 그 사람은 벌써 갔을 것 같아요.**  
Để đoán về một hành động đã hoàn thành, thì quá khứ được đặt vào trong định ngữ: -았/었을 것 같다.
- ✗ 밖에 비가 올 것 같아요. — khi bạn đang nhìn thấy mưa rơi**  
**○ 밖에 비가 오는 것 같아요.**  
Nếu điều đó đang diễn ra trước mắt bạn, hãy dùng -는 것 같다. -(으)ㄹ dành cho điều chưa xảy ra.